TÒA ÁN NH DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2024
V/v "Tranh chấp về ly hôn"

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nH dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

2. Ông Lê Văn Hoàng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Hoàng – Cán bộ Tòa án nH dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nH dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2024/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về vụ việc: "*Tranh chấp về ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 70/2024/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Số 19, thôn 7, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Dương Tấn D, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà Đ có đơn xét xử vắng. Ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 25/6/2015 bà và ông D đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện có tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại xã Đ, huyện Đ. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thì thường phát sinh mâu thuẫn lại không hợp nhau vì tư tưởng cũng như cách sống, vợ chồng thường cãi vả, sống không hạnh phúc, cuộc sống gia đình căng thẳng ngột ngạt. Đến tháng 10/2019 thì hai người không sống chúng với nhau, bà cùng hai con về thôn 7, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk sống cho đến nay.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không ai còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nH không đạt được, bà không thể tiếp tục quan hệ hôn nH với ông D nên bà yêu cầu ly hôn ông D.

- Về con chung: Có 02 con chung cháu Dương Thị Kim N, sinh ngày 29/11/2015 và cháu Dương Khả H, sinh ngày 17/7/2018. Khi ly hôn bà Lê Thị Đ yêu cầu nuôi 02 con chung. Bà Lê Thị Đ không yêu cầu ông Dương Tấn D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Theo bị đơn ông Dương Tấn D thì:

Ông D không trình bày ý kiến gì nộp cho Toà án.

Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải cho ông D. Toà án tiến hành niêm yết kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông D. Tiến hành tiến hành niêm yết quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông D nhưng ông D không có ý kiến gì.

* Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được vì ông D vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Đ:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Đ, xử cho bà Lê Thị Đ với ông Dương Tấn D ly hôn.

Về con chung: Giao bà Lê Thị Đ nuôi 02 con chung cháu Dương Thị Kim N, sinh ngày 29/11/2015 và cháu Dương Khả H, sinh ngày 17/7/2018 cho đến con chung thành niên. Ông Dương Tấn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn" giữa nguyên đơn bà Lê Thị Đ và bị đơn ông Dương Tấn D. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Dương Tấn D đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Bà Lê Thị Đ có đơn xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Dương Tấn D và bà Lê Thị Đ.

[2] Về quan hệ hôn nH: Xét thấy hôn nhân giữa bà Đ và ông D là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức hỏi, cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã Đ, huyện Đ ngày 25/6/2015. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nH mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong việc làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình, mặc dù đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, bà Đ và ông D từ năm 2019 đến nay không sống chung với nhau, mạnh ai nấy sống, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm lẫn nhau và không có trách nhiệm đối với nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt từ năm 2019, bà Đ đưa hai con về ở thôn 7, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk sống cho đến nay. Trong quá trình giải quyết Tòa án triệu tập ông D để hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông D vẫn vắng mặt. Điều này thể hiện ông D không có thiện chí níu kéo cuộc hôn nhân giữa ông D và bà Đ. Xét thấy, hôn nhân giữa bà Đ và ông D tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích của hôn nH không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà Đ được ly hôn với ông D là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông D và bà Đ có 02 con chung là cháu Dương Thị Kim N, sinh ngày 29/11/2015 và cháu Dương Khả H, sinh ngày 17/7/2018. Hiện nay cháu Dương Thị Kim N, sinh ngày 29/11/2015 và cháu Dương Khả H, sinh ngày 17/7/2018 đang ở với bà Đ. Cháu N và cháu H do bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu học hành, phát triển bình thường. Khi ly hôn bà Đ yêu cầu được nuôi hai con chung. Ông D cũng không có ý kiến gì nộp cho Toà án. Mặt khác, nguyện vọng của hai cháu ở với bà Đ nên cần giao cháu N và cháu H cho bà Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Đ không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc bà Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nH và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nH: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Đ, xử bà Lê Thị Đ với ông Dương Tấn D ly hôn.

- Về con chung: Giao bà Lê Thị Đ nuôi con chung cháu Dương Thị Kim N, sinh ngày 29/11/2015 và cháu Dương Khả H, sinh ngày 17/7/2018 cho đến ngày con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nH và gia đình.

- Về cấp dưỡng: Ông Dương Tấn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Buộc bà Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng, bà Lê Thị Đ đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003467 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, bà Lê Thị Đ đã nộp đủ án phí hôn nH và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Đ và ông Dương Tấn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Ủy ban nH dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Số 19/2015, quyển số 01/2011, ngày 25/6/2015;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Vũ